

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Khung chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐDHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

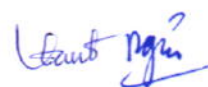
Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-DHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường, Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm; Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 624/QĐ-ĐHSP ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm (có Khung chương trình đào tạo kèm theo).

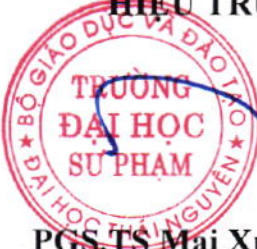
Điều 2. Khung chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn, trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 59 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trường đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *Phụ*

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: DT, VT (02).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Mai Xuân Trường



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC K59

Tên chương trình: Sư phạm Ngữ văn

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

Mã ngành: 140217

(Ban hành theo Quyết định số: 2260 /QĐ-ĐHSP, ngày 16 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
I	Kiến thức giáo dục đại cương		26								
1.	59SPH131	Triết học Mác – Lênin	3	32	10	6	10				1
2.	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131	2
3.	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121	3
4.	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121	4
5.	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121	5
6.	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				4
7.	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				2
8.	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			59ENG131	3
9.	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			59ENG132	4
10.	59GIF131	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				2
11.	59PHE121	Giáo dục thể chất 1	2	4		36					2
12.	59PHE122	Giáo dục thể chất 2	2	4		36				59PHE111	1
13.	59PHE123	Giáo dục thể chất 3	2	4		36				59PHE112	3
14.	59MIE131	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung							
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		65								
2.1	Kiến thức cơ sở		10								
Các học phần bắt buộc			8								
15.	59VCF231	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	31	6	10	12				1
16.	59ATW221	Tiếp cận tác phẩm văn học từ góc độ mỹ học và những nguyên lý lí luận văn học	2	15	15	15					1
17.	59BLG231	Cơ sở ngôn ngữ học	3	31	6	10	12				1

Handwritten signatures and initials.

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
Các học phần tự chọn			2								
18.	59LFI221	Thực tế văn học	2					60			7
19.	59FCF221	Điền dã, sưu tầm văn hóa dân gian	2	15				30			7
2.2	Kiến thức ngành		54								
Các học phần bắt buộc			26								
20.	59VIF341	Văn học dân gian Việt Nam	4	42	8	12	16				1
21.	59MVL331	Tổng quan văn học Việt Nam trung đại	3	31	6	10	12				2
22.	59OVL331	Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại	3	31	6	10	12				3
23.	59VPV331	Ngữ âm- Từ vựng tiếng Việt	3	31	6	10	12			59BLG231	4
24.	59VMG331	Ngữ pháp tiếng Việt	3	31	6	10	12			59BLG231	5
25.	59PVS341	Ngữ dụng-Phong cách học tiếng Việt	4	42	8	12	16			59BLG231	6
26.	59LWG331	Tác phẩm và thể loại văn học	3	31	6	10	12				2
27.	59ASL331	Văn học châu Á	3	31	6	10	12				3
Các học phần tự chọn			28								
28.	59AML331	Tác gia văn học Việt Nam trung đại	3	31	6	10	12			59MVL331	3
29.	59AVL331	Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến 1945	3	31	6	10	12			59OVL331	6
30.	59AVL332	Tác gia văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay	3	31	6	10	12			59OVL331	7
31.	59ELC321	Trải nghiệm ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	2	15	15	15					7
32.	59SVT331	Từ Hán Việt và dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông	3	31	6	10	12				6
33.	59SMP331	Phương pháp nghiên cứu khoa học Ngữ văn	3	31	6	10	12				5
34.	59VIE321	Tiếng Việt thực hành	2	15	15	15					2

ngân *Leant*

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
35.	59LIP331	Tiến trình văn học	3	31	6	10	12				3
36.	59WEL331	Văn học phương Tây 1	3	31	6	10	12				5
37.	59WEL332	Văn học phương Tây 2	3	31	6	10	12				6
38.	59CML331	Văn hóa truyền thống trong văn học Việt Nam trung đại	3	31	6	10	12			59MVL331	3
39.	59LLI331	Văn học địa phương	3	31	6	10	12				6
40.	59CVL331	Văn học Việt Nam đương đại	3	31	6	10	12			59OVL331	7
41.	59PRO331	Thi pháp học	3	31	6	10	12			59LWG331	3
42.	59POL331	Văn học Hậu hiện đại thế giới	3	31	6	10	12				6
43.	59MAL331	Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học	3	31	6	10	12			59ATW221	5
44.	59MEL331	Ngôn ngữ Báo chí	3	31	6	10	12				2
45.	59LCP331	Viết ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng	3	31	6	10	12				6
46.	59ACF321	Vận dụng tri thức văn hóa vào giảng dạy văn học dân gian ở trường phổ thông	2	15	15	15				59VIF341	5
47.	59ALW321	Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong dạy học tác phẩm văn chương	2	15	15	15					7
III	Kiến thức nghiệp vụ		34								
Các học phần bắt buộc			25								
48.	59EPS431	Tâm lý học giáo dục	3	30	6	16	8				1
49.	59PEP431	Giáo dục học	3	31	8	12	8			59EPS431	2
50.	59COS431	Giao tiếp sư phạm	3	27	6	24	6			59EPS431 59PEP431	4
51.	59PEP421	Thực hành sư phạm 1	2	10	5	30	5				4
52.	59TPT441	Lý luận dạy học Ngữ văn	4	32	16	16	12	12			4
53.	59TPC431	Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực	3	24	15	15	12			59TPT441	5
54.	59PEP422	Thực hành sư phạm 2	2	10	5	30	5			59TPT441	7
55.	59TRA421	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở trường phổ thông						59PEP421	5

myb *Uant*

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
56.	59TRA432	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở trường phổ thông					59TRA421	59PEP422	8
Các học phần tự chọn			9								
57.	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	3	32	10	6	10				6
58.	59ITP431	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn	3	24	15	20	7			59TPT441	6
59.	59TMT431	Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin đa phương thức ở trường phổ thông	3	24	15	15	12				7
60.	59TFL431	Dạy học văn học dân gian ở trường phổ thông	3	31	6	12	10			59VIF341	6
61.	59TVL431	Dạy học tác phẩm văn học Việt Nam ở trường phổ thông	3	31	6	12	10				6
62.	59TFS431	Dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông	3	31	6	12	10				7
63.	59TVI431	Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông	3	31	6	12	10				7
IV	Khóa luận tốt nghiệp		6								
64.	59PHI904	Khoá luận tốt nghiệp	6								8
Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp			6								
65.	59ITM931	Minh giải văn bản văn học Việt Nam trung đại	3	31	6	10	12			59MVL331	8
66.	59WST931	Kĩ năng viết các kiểu văn bản ở trường phổ thông	3	31	6	10	12				8
Tổng cộng			130								

Ghi chú: Tổng số 130 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

ngũ

haut